TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **124**/2022/HC-PT
Ngày: 16/4/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 248/2021/TLPT-HC ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HCST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2616/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Phùng Thị C, sinh năm 1958; Địa chỉ: Xóm T2, xã T1, huyện Đ, tỉnh T (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Văn T1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 5, phường H, thành phố T, tỉnh T (Có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang A - Chủ tịch (Vắng mặt, Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:*

- Ông Bùi Đức T2, sinh năm 1955 (Có mặt);

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1947;

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1935;

- Bà Ngô Thị M, sinh năm 1954;

Đều cùng địa chỉ: Xóm T2, xã T1, huyện Đ, tỉnh T.

Bà C, bà H1, bà M đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Phùng Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện trình bày như sau:

Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ đã không công nhận nội dung đơn của tôi đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với ông Bùi Đức T2 đối với diện tích 25,47m^2 tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 30 (bản đồ địa chính xã T1). Trong khi đó phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình tôi, được sử dụng ổn định có nguồn gốc rõ ràng, cụ thể:

Phần đất này có nguồn gốc là của Hợp tác xã T2 quản lý. Trước năm 1990, Hợp tác xã giao cho cụ Nguyễn Thị C ở xóm T2 canh tác, nhưng cụ C cho con gái là bà Trịnh Thị C1 sử dụng. Đến năm 1990, bà C1 không sử dụng nên đã giao cho tôi. Tôi đã sử dụng phần đất này để trồng sắn, trồng cỏ, chăn thả cá liên tục từ năm 1990 đến nay.

Khi cụ C nhượng mảnh đất nói trên cho tôi, đất sạch không có mộ.

Khoảng năm 2004, anh N có xin với vợ chồng tôi được để tạm 02 ngôi mộ vào mảnh đất nhà tôi và hứa nhà tôi làm gì đến đất thì anh sẽ chuyển ngay.

Thấy anh N để mộ trong vườn bãi nhà tôi, năm 2009 gia đình ông Bùi Đức T2 đã đưa 02 ngôi mộ cát táng đặt cạnh mộ của gia đình anh N, gia đình tôi đi vắng, việc đã rồi, vì tâm linh kiêng kỵ và tình làng nghĩa xóm nên tôi không bắt ông T2 dừng lại để trả đất cho gia đình.

Năm 2013, giữa tôi và ông Trịnh Văn T3 (là em ông Bùi Đức T2) đã xảy ra tranh chấp đất, vị trí đất nơi có 02 ngôi mộ của gia đình ông T2. Gia đình ông T2 kiên quyết không chuyển mộ đi. Ông T3 là em rể ông T2 còn cho rằng đất đó của bà H1, ông T3 xin đất của bà H1 được bà H1 đồng ý cho nhà ông T3 để mộ. Việc tranh chấp đã được UBND xã T1 giải quyết, xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc về tôi.

Năm 2019, tôi đi làm các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình lập hồ sơ, UBND xã T1 đã mời các hộ gia đình có đất liền kề đến thực địa để xác định ranh giới lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có ông T2. Tuy nhiên, ông T2 không đồng ý với ranh giới cắm mốc. Sau đó, hai bên đã xảy ra tranh chấp và được Ban Mặt trận xóm T2 (nay là xóm T2) hòa giải nhiều lần nhưng không T3.

Ngày 18/6/2020, tôi làm đơn gửi UBND huyện Đ, tỉnh T đề nghị giải quyết tranh chấp đất giữa tôi với ông T2.

Ngày 31/8/2020, tôi nhận được Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2, xóm T2, xã T1. Sau khi nghiên cứu nội dung của quyết định, tôi thấy quyết định này xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T hủy Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2, xóm T2, xã T1.

Người bị kiện là UBND huyện Đ, tỉnh T trình bày:

1. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp đất đai:

Xuất phát từ đề nghị của gia đình bà Phùng Thị C xóm T2 (nay là xóm T2), xã T1 về việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 03/10/2019 UBND xã T1 đã mời gia đình ông Bùi Đức T2 và một số hộ dân sử dụng đất liền kề đến thực địa thửa đất thuộc xóm T2 để xác định ranh giới lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Phùng Thị C, theo chỉ dẫn của bà C đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích bao quanh 02 ngôi mộ khoảng 12,7m^2. Tại buổi xác định ranh giới ngoài thực địa, ông Bùi Đức T2 và một số hộ không đồng ý với ranh giới cắm mốc mà gia đình bà C đề nghị cấp GCNQSD đất. Ngày 13/6/2020, ông Bùi Đức T2 có đơn đề nghị UBND xã T1 giải quyết tranh chấp đất đai đối với diện tích đất trên. Ngày 18/6/2020, UBND xã T1 tổ chức buổi hòa giải tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Bùi Đức T2 và gia đình bà Phùng Thị C tại xóm T2, xã T1. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải các bên tranh chấp không thỏa thuận được nên hòa giải không T3, ngày 07/7/2020 bà Phùng Thị C có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai gửi UBND huyện Đ.

2. Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai:

Tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2 đã được UBND xã T1 tiến hành hòa giải nhưng không T3. Do bà Phùng Thị C và ông Bùi Đức T2 đều không có giấy chứng nhận và không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, nên bà Phùng Thị C nộp đơn yêu cầu UBND huyện Đ giải quyết tranh chấp đất đai và UBND huyện Đ thụ lý giải quyết đơn của bà C là đúng quy định tại Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai.

3. Về trình tự thủ tục giải quyết:

Căn cứ Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh T về phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và cấp xã trên địa bàn

tỉnh T. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính về tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện gồm 8 bước với tổng thời gian là 45 ngày *(Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày).* Ngày 08/7/2020, bà Phùng Thị C nộp đơn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện. Ngày 09/7/2020, UBND huyện Đ có Công văn số 997/UBND-MC về việc giao cho Thanh tra huyện chủ trì phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tham mưu giải quyết đơn của bà Phùng Thị C theo quy định. Đến ngày 26/8/2020, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4493/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà với ông Bùi Đức T2 đúng trình tự thủ tục và đảm bảo thời gian quy định.

4. Cơ sở để UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2.

Phần diện tích đang tranh chấp, ông Bùi Đức T2 không có bất cứ một loại giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất, còn bà Phùng Thị C có cung cấp cho Thanh tra huyện giấy xác nhận canh tác và sử dụng đất ngày 15/11/2013 (bản photo), xác định phần đất đang tranh chấp trước năm 1990, Hợp tác xã chia cho bà Phạm Thị C ở xóm T2 canh tác, bà C cho con gái là Trịnh Thị C1 sử dụng, đến năm 1990 bà C1 không sử dụng nên nhượng lại cho bà C sử dụng (có xác nhận của bà C năm 2013). Tuy nhiên, bà Phạm Thị C cho biết: Phần diện tích 360m^2 đất có nguồn gốc của Hợp tác xã giao cho bà C năm 1988 nhưng bà C không sử dụng, hiện nay bà C đang sử dụng (Có xác nhận của bà C ngày 15/11/2013 cho gia đình bà C) không phải diện tích tranh chấp giữa gia đình ông T2 và bà C và có vị trí phía đông giáp với diện tích tranh chấp giữa gia đình ông T2 và gia đình bà C, cạnh phía tây giáp với đất của nhà bà C.

Do cả hai bên tranh chấp không có bất cứ một loại hồ sơ tài liệu chứng minh phần đất đang tranh chấp là của mình và xuất phát từ việc bà C đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã T1 căn cứ khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai chỉ đạo xóm T2 *(nay là xóm T2)*, lấy ý kiến khu dân cư, kết quả xác định về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất: Về nguồn gốc đất là của Hợp tác xã T2 chia cho gia đình bà Ngô Thị M nhưng bà Ngô Thị M không sử dụng. Gia đình ông Bùi Đức T2 sử dụng từ năm 1999 (trên đất có nhiều mộ). Theo kết quả kiểm tra xác minh và kết quả lấy ý kiến khu dân cư, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2 là đúng quy định.

UBND huyện Đ xác định nội dung bà Phùng Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T hủy Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2,

xóm T2, xã T1 là không có cơ sở và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T giải quyết giữ nguyên Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND huyện Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Đức T2 trình bày: Năm 1999 gia đình tôi có chuyển 02 ngôi mộ của các cụ về để tại gò cây trám thuộc xóm T2 cũ nay là xóm T2, xã T1 cùng với nhiều ngôi mộ của các hộ gia đình khác đã để từ trước là đất của tập thể đã bỏ hoang của xóm T2 cũ (nay là xóm T2) đang quản lý tại thời điểm đó.

Từ năm 1999 đến nay hàng năm gia đình tôi vẫn thường xuyên phát dọn, bảo vệ, quản lý và sử dụng trong khu vực 02 ngôi mộ với diện tích 40m^2 (đã được cán bộ chuyên môn của xã T1, huyện Đ xác định chỉ giới).

Năm 2013 gia đình bà Phùng Thị C mang máy về san múc hạ thấp độ cao vào diện tích của phần mộ mà gia đình tôi đang sử dụng. Gia đình tôi có đơn đề nghị UBND xã T1 giải quyết. Gia đình bà C đã bị UBND xã T1 đình chỉ việc san múc và yêu cầu bà C xây bờ kè để chống sạt lở, gia đình bà C đã đồng ý nhưng không chấp hành.

Năm 2018, bà C mang cây keo đến trồng vào khu đất thuộc phần mộ của gia đình tôi. Tôi có đề nghị chính quyền xã giải quyết nhưng không T3 thì đến năm 2019 bà C lại trồng sắn trên phần đất trống trong phạm vi phần mộ của gia đình tôi đang sử dụng.

Gia đình tôi tiếp tục đề nghị Ban công tác mặt trận của xóm T2, chính quyền xã T1 giải quyết. Sau nhiều lần hòa giải của xóm, xã và H1ện nhưng đều không T3, như báo cáo của Phòng Thanh tra huyện.

Phòng Thanh tra huyện Đ tiếp tục về điều tra, xác minh, tìm hiểu cụ thể và chi tiết. Sau một thời gian tìm hiểu, xác minh đã đủ điều kiện để UBND huyện Đ ra Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 không công nhận đơn đề nghị của bà Phùng Thị C.

Gia đình tôi hoàn toàn đồng ý với Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND huyện Đ. Không đồng ý với ý kiến đề nghị của bà Phùng Thị C.

Bà Nguyễn Thị H1, bà Phạm Thị C và bà Ngô Thị M trình bày:

Sau khi khoán 10 Hợp tác xã nông nghiệp T2 chia ruộng đất và bãi chè cho hộ gia đình quản lý, 3 gia đình chúng tôi cùng được chia mỗi nhà 360m^2 đất chè làm khoáng sản.

Trước đó bà Phùng Thị C sinh sống ở xã Hoàng Nông, huyện Đ, tỉnh T. Sau đó bà C về xóm T2, xã T1. Bà C là giáo viên không được chia đất bãi chè cũng như ruộng cấy lúa. Đến khi Hợp tác xã nông nghiệp giải thể, cây chè giống cũ cũng chết dần, lúc đó chưa có giống cây trồng rừng nên chúng tôi chưa trồng cây gì, chỉ có bà Nguyễn Thị H1 nhà ở gần đó trồng mấy cây ăn quả. Nhà bà C

ở gần đất Hợp tác xã chia cho 3 gia đình chúng tôi, vì cây chè còn sống thưa thớt, nên bà C lấn dần bãi chè trong đó của 3 gia đình chúng tôi, bà C làm 360m^2 của bà Phạm Thị C. Đến năm 2013, bà C thuê máy về múc đất đổi đổ xuống hồ do thủy sản quản lý sau đó còn lấn đất Hợp tác xã chia cho bà Nguyễn Thị H1 và bà Ngô Thị M.

Ngày 05/6/2020 họp Hội đồng hòa giải tại nhà văn hóa xóm T2, UBND xã T1 và cán bộ Phòng Nông nghiệp huyện Đ đối chiếu bản đồ và đo đạc đất tranh chấp đã xác định 2 ngôi mộ của nhà ông Bùi Đức T2 vào diện tích đất lô số 17 là đất của bà Nguyễn Thị H1.

Chúng tôi khẳng định bà C không có đất ở gò cây trám mà bà C đã lấn chiếm dần đất của tập thể đã có bản đồ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HCST ngày 20 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 18, khoản 5 Điều 20, khoản 4 Điều 21, Điều 89, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 16, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị C yêu cầu hủy Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2, xóm T2, xã T1, huyện Đ, tỉnh T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31/5/2021, người khởi kiện là bà Phùng Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phùng Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo cho rằng Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2 phản ánh trên diện tích đất tranh chấp có nhiều ngôi mộ là không đúng thực trạng đất tranh chấp vì chỉ có 02 ngôi mộ của gia đình ông T2, gia đình bà đã sử dụng phần đất này để trồng sắn, trồng cỏ, chăn cá liên tục từ năm 1990 đến nay. Năm 2013, khi giải quyết tranh chấp giữa bà và ông Trịnh Văn T3 (là em ông Bùi Đức T2) về vị trí đất nơi có 02 ngôi mộ của gia đình ông T2, UBND xã T1 đã xác định phần diện tích đất tranh chấp

thuộc về bà C. Gia đình bà tự nguyện hỗ trợ để gia đình ông T2 di dời 02 ngôi mộ trả lại đất cho gia đình bà. Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 nêu trên đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Vì vậy, bà C đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Ông Bùi Đức T2 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Phùng Thị C. Ông khẳng định 02 ngôi mộ của gia đình ông trên diện tích đất khoảng 25,47m^2 nằm trong khu nghĩa địa của xã T1 và các xã lân cận trước khi bà C về sinh sống gần phần đất Hợp tác xã chia cho 3 gia đình bà Phạm Thị C, bà Nguyễn Thị H1 và bà Ngô Thị M. Bà C chỉ được bà Phạm Thị C nhượng 360m^2 nhưng năm 2013, bà C thuê máy về múc đất đồi đổ xuống hồ do thủy sản quản lý sau đó còn lấn đất của các hộ xung quanh trong đó có phần đất đặt 02 ngôi mộ của gia đình ông. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2, xóm T2, xã T1, huyện Đ, tỉnh T được ban hành đúng trình tự, đúng thủ tục, đúng thẩm quyền; nội dung giải quyết có căn cứ. Bà Phùng Thị C không chứng minh được diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà nên Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà C là đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phùng Thị C gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh T về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2 nên vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan, về tư cách đương sự đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính.

[3] Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Ngày 07/7/2020, bà Phùng Thị C có đơn gửi đến UBND huyện Đ, tỉnh T đề nghị giải quyết việc tranh chấp đất đai tại khu vực Đồi chè gò Cây

trám thuộc xóm T2 (nay là xóm T2), xã T1, huyện Đ, tỉnh T với gia đình ông Bùi Đức T2 nhưng gia đình bà C cũng như gia đình ông T2 đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đều không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai nên Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh T thụ lý đơn và ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai 2013.

[5] Sau khi nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của bà Phùng Thị C, Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh T có Văn bản số 997/UBND-MC giao nhiệm vụ cho Thanh tra huyện chủ trì phối hợp với Phòng TNMT tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện giải quyết tranh chấp đất đai của bà Phùng Thị C. Trên cơ sở các tài liệu xác minh, biên bản làm việc với các bên tranh chấp và những người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; hồ sơ quản lý đất đai của xã T1; Báo cáo kết quả kiểm tra xác minh việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C và ông Bùi Đức T2 của Thanh tra huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2 tại xóm T2 đã đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[6] Bà Phùng Thị C kháng cáo cho rằng 25,47m^2 đất thuộc thửa 17, tờ bản đồ 30, xã T1, huyện Đ, tỉnh T trên đất có 02 ngôi mộ của gia đình ông Bùi Đức T2 có nguồn gốc bà nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị C từ năm 1990 và bà đã trồng sắn, trồng cỏ, chăn cá liên tục cho đến nay. Ngày 15/11/2013, UBND xã T1 đã xác nhận gia đình bà canh tác và sử dụng đất liên tục, ổn định. Năm 2009, gia đình ông T2 đã đưa 02 ngôi mộ cát táng trên đất không được sự đồng ý của gia đình bà nên bà yêu cầu UBND huyện Đ, tỉnh T xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc về quyền sử dụng của bà để gia đình ông T2 chuyển mộ, trả đất cho gia đình bà.

[7] Tuy nhiên, quá trình tham gia tố tụng, bà Phạm Thị C xác định phần diện tích 360m^2 đất bà nhượng cho bà C đang sử dụng có vị trí cạnh phía Đông giáp với diện tích tranh chấp giữa gia đình ông T2 và gia đình bà C, cạnh phía Tây giáp với đất của nhà bà C chứ không phải diện tích đang tranh chấp giữa gia đình ông T2 và bà C. Giấy xác nhận ngày 15/11/2013 bà C viết sẵn nhờ bà ký không đúng hiện trạng đất bà chuyển cho bà C canh tác. Kết quả thẩm tra, xác minh của UBND huyện Đ, tỉnh T thể hiện: Diện tích 25,47m^2 đất đang tranh chấp thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 30, diện tích toàn thửa là 3.036m^2 (do đo bao vào phần diện tích đất của bà Nguyễn Thị H1) có nguồn gốc là đất chè của Hợp tác xã T2, xã T1 giao cho hộ bà H1 trồng chè. Năm 1988, Hợp tác xã giải thể chia đất cho các hộ sử dụng (không có hồ sơ giao đất), còn lại khu đất xung quanh rậm rạp, có nhiều mộ không có người canh tác. Năm 1999, gia đình ông Bùi Đức T2 đặt 02 ngôi mộ xây và hàng năm vẫn phát xung quanh ngôi mộ. Năm 2013, gia đình bà C múc đất hạ độ cao đến gần mộ của gia đình ông T2

mới phát sinh tranh chấp. UBND xã T1 đã đình chỉ việc múc đất và yêu cầu bà C xây kè chống sạt lở. Gia đình bà C trồng sắn từ năm 2019. Kết quả xác minh nêu trên phù hợp với kết luận hội nghị lấy ý kiến khu dân cư, phù hợp với ý kiến của 03 hộ được Hợp tác xã giao đất năm 1988 là bà Phạm Thị C, bà Nguyễn Thị H1 và bà Ngô Thị M. Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh T không công nhận quyền sử dụng của gia đình bà Phùng Thị C đối với diện tích 25,47m^2 đất thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 30 (bản đồ địa chính xã T1) là có căn cứ. Từ đó, cũng không có cơ sở buộc gia đình ông Bùi Đức T2 chuyển mộ, trả đất cho gia đình bà C.

[8] Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh T về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Phùng Thị C với ông Bùi Đức T2 được ban hành đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, có nội dung có căn cứ. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy quyết định hành chính nêu trên của bà C là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Phùng Thị C.

[9] Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Phùng Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà Phùng Thị C; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HCST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T;

2. Bà Phùng Thị C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Mai